

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 11 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 704/TTr-TNMT ngày 13/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH bất động sản đầu tư thương mại Hiệp Hòa, địa chỉ trụ sở chính tại 21/22A Trường Sơn, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Xây dựng chợ hạng II Trung tâm huyện Hiệp Hòa” tại thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Xây dựng chợ hạng II trung tâm huyện Hiệp Hòa.

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH bất động sản đầu tư thương mại Hiệp Hòa.

1.3. Địa điểm hoạt động: Thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên với mã số doanh nghiệp 0313525679 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 09/11/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 16/12/2021.

- Quyết định chủ trương đầu tư số 131/QĐ-UBND ngày 03/03/2016 của UBND tỉnh với mục tiêu: Đầu tư xây dựng chợ hạng II huyện Hiệp Hòa.

1.5. Mã số thuế: 0313525679.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Đầu tư xây dựng chợ hạng II trung tâm huyện Hiệp Hòa.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Phạm vi: Thực hiện tại thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, với diện tích: 5.600m².

- Quy mô, công suất của dự án

+ Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Quy mô 361 điểm kinh doanh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH bất động sản đầu tư thương mại Hiệp Hòa được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH bất động sản đầu tư thương mại Hiệp Hòa có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH bất động sản đầu tư thương mại Hiệp Hòa có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hiệp Hòa nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố

khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hiệp Hòa.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Xây dựng chợ hạng II Trung tâm huyện Hiệp Hòa” và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Xây dựng chợ hạng II Trung tâm huyện Hiệp Hòa” có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Hiệp Hòa, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư “Xây dựng chợ hạng II Trung tâm huyện Hiệp Hòa” tại thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang do Công ty TNHH bất động sản đầu tư thương mại Hiệp Hòa làm chủ đầu tư được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công thương; UBND huyện Hiệp Hòa, UBND thị trấn Thắng, Công ty TNHH bất động sản đầu tư thương mại Hiệp Hòa và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN Việt Anh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số / QĐ-UBND ngày /11/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên, của các tiểu thương, du khách,... tại chợ.

- Nguồn số 2: Nước thải từ hoạt động vệ sinh thực phẩm tươi sống tại khu chợ ngoài trời.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công suất 40 m³/ngày đêm của cơ sở được xả vào hệ thống thoát nước của thị trấn Thắng.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước thải của thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, cuối cùng đổ ra sông Cầu.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: 01 vị trí tại cống thoát nước thải của cơ sở đấu nối với hệ thống thoát nước thải của thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, trên đường 295, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, cách cống Chợ khoảng: 3m.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 2362524; Y: 393889 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 40m³/ngày đêm, tương đương khoảng 1,67m³/giờ (tính theo 24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

Phương thức xả nước thải: Tự chảy qua hệ thống dẫn nước thải xả thẳng ra hệ thống thoát nước thải của thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa bằng ống uPVC D250, với chiều dài khoảng: 52m.

2.3.2. Chế độ xả nước: Xả nước thải liên tục 24/24giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi đấu nối vào hệ thống thoát nước thải của thị trấn Thắng huyện Hiệp Hòa phải được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B), bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Thông số	ĐVT	Giá trị giới hạn QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ
----	----------	-----	---	----------------------------

1	pH	-	5,5 ÷ 9	Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc nước thải định kỳ theo khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	50	
3	COD	mg/L	150	
4	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/L	100	
5	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	0,5	
6	Amoni (Tính theo N)	mg/L	10	
7	Tổng Nitơ	mg/L	40	
8	Tổng Photpho	mg/L	6	
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	10	
10	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

* Nước thải sinh hoạt

- Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom vào 03 bể tự hoại 3 ngăn (dung tích 45m³/bể) với tổng thể tích 135m³ để thu gom, xử lý sơ bộ, sau đó theo đường ống uPVC D200 dài khoảng 122,3m về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở với công suất 40m³/ngày.

- Nước thải phát sinh từ khu chợ ngoài trời được chia làm 02 nhánh:

+ Nhánh 1: Nước thải phát sinh từ khu vực bán hàng tươi sống: bán thịt, bán cá, khu tập kết rác thải sinh hoạt: được thu gom vào hệ thống rãnh thu nước kích thước: 200x200mm, xây bằng gạch thẻ chiều dày 100mm, có nắp đậy bằng tấm đan bê tông đục lỗ dài khoảng 123,5m, sau đó qua song chắn rác vào bể tự hoại 3 ngăn. Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ được dẫn về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 40m³/ngày bằng ống uPVC D250 dài khoảng 34,5m.

+ Nhánh 2: Nước thải của một phần khu bán hàng thịt, hàng rau: được thu về hố ga có kích thước dài x rộng x sâu = 1mx1mx1m, sau đó theo ống uPVC D200 dài 18,5m về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 40m³/ngày.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sau khi xử lý sơ bộ → Bể điều hòa → Bể yếm khí → Bể hiếu khí + màng MBR → Bể khử trùng → Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, được đầu nối vào hệ thống thoát nước của thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa.

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ sinh học hiếu khí, sử dụng màng MBR.

- Công suất thiết kế: 40 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng trung bình 01 tháng: Hóa chất khử trùng (dung dịch NaOCl 10%, hoặc clorin dạng viên): 25kg/tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, kịp thời xử lý sự cố.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: Máy bơm, phao, van và các thiết bị khác... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Lắp đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra để giám sát thường xuyên lưu lượng nước thải tránh trường hợp gây quá tải hệ thống xử lý và có phương án ứng phó kịp thời.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Khi gặp sự cố lượng nước thải phát sinh vượt quá công suất hệ thống xử lý hay sự cố kỹ thuật khác: Dừng hoạt động hệ thống xử lý nước thải để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý. Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của hệ thống xử lý nước thải và phải dừng hoạt động của hệ thống khắc phục sự cố trong vòng 1 ngày, thì chủ động giảm xả thải, trong trường hợp cần thiết sẽ thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

- Sự cố nước thải xử lý không đạt quy chuẩn: Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh và đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm trong giai đoạn vận hành ổn định: Từ tháng 11/2023 đến tháng 01/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 40 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Trước và sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải công suất 40 m³/ngày đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (Chi tiết theo nội dung được cấp phép tại phần A Phụ lục này).

2.2.3. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Thời gian dự kiến lấy mẫu
1	01 vị trí tại bể điều hòa	pH, BOD ₅ , COD, Chất rắn lơ lửng,	Lấy 1 mẫu đơn	Ngày 21/12/2023
2	01 vị trí sau bể khử trùng	sunfua, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Photpho, Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.	Lấy mẫu đơn 01 ngày/ lần, trong vòng 03 ngày liên tiếp	- Lần 1: Ngày 21/12/2023 - Lần 2: Ngày 22/12/2023 - Lần 3: Ngày 23/12/2023

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi đầu nối ra hệ thống thoát nước của thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hiệp Hòa xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hiệp Hòa để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số / QĐ-UBND ngày /11/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy bơm nước vào bể chứa nước của chợ.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 vị trí

+ 01 vị trí tại khu vực máy bơm dưới tầng hầm. Tọa độ: X:2362565; Y:393886 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiếu 3⁰).

+ 01 vị trí tại khu vực máy bơm ở khu chợ bán hàng rau củ quả. Tọa độ: X:236489; Y:393852 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiếu 3⁰).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2016/BYT - Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	85	85	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	1,4m/s ²	1,4m/s ²	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Sử dụng đệm chống ồn, giảm rung chân được lắp tại chân của máy móc, thiết bị.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt. Kiểm tra độ mòn chi tiết máy móc, thiết bị và định kỳ bảo dưỡng, bổ sung dầu bôi trơn cho các bộ phận chuyển động.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị máy móc phát sinh tiếng ồn, độ rung,...

- Định kỳ (6 tháng/lần) kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị máy móc phát sinh

tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số / QĐ-UBND ngày /11/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	07
2	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	02
3	Pin thải, ắc quy hỏng thải	Rắn	19 06 01	01
Tổng cộng:				10

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: không phát sinh.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Đơn vị	Khối lượng
1	Chất thải sinh hoạt	Kg/ngày	130
2	Bùn từ bể tự hoại	m ³ /năm	10
3	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	kg/năm	200

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**2.1.1. Thiết bị lưu chứa**

Trong kho chứa chất thải: bố trí 03 thùng chứa có đầy dung tích 120lit/thùng để đựng chất thải nguy hại. Tất cả các thùng chứa được dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại bên ngoài thùng chứa theo quy định.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà.

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 8,75m², được bố trí sát tường rào cơ sở
- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Kho chứa chất thải được xây tường gạch, mái lợp phibroximăng, nền láng xi măng, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định.
- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển chất thải nguy hại

mang đi xử lý theo quy định (tần suất 1 năm/lần).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường. Không bố trí do không phát sinh chất thải rắn công nghiệp.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Tại khu vực văn phòng: bố trí 02 thùng nhựa có nắp đậy dung tích: 5lit/thùng. Tại khu vực chợ bố trí: 03 thùng nhựa có nắp đậy dung tích: 120lit/thùng, bố trí tại khu hành lang, dọc tuyến đường nội bộ chợ. Tại khu vực kho chứa chất thải: bố trí túi nilong đựng chất thải sinh hoạt và 02 thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 60lit/thùng.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt mang đi xử lý theo quy định (tần suất 1 ngày/lần).

- Đối với bùn phát sinh từ bể tự hoại và hệ thống xử lý nước thải: Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút bùn mang đi xử lý theo quy định với tần suất khoảng 1 năm/lần.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời:

- Diện tích kho chứa chất thải sinh hoạt: 17,5m², được bố trí sát tường rào cơ sở.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho chứa chất thải được xây tường gạch, mái lợp fibroximăng, nền láng xi măng, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng đưa ra các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống nước thải.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số / QĐ-UBND ngày /11/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Công ty TNHH bất động sản đầu tư thương mại Hiệp Hòa có trách nhiệm thực hiện:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình vận hành cơ sở. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải của cơ sở để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT và trước khi xả ra môi trường, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của cơ sở với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hiệp Hòa trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 704/TTr-TNMT ngày 13/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án.